TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 9 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Hải Trung

Bà Nguyễn Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thiên T, sinh năm 1999; cư trú tại: Ấp B, xã P, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Lee, Yu – M, sinh năm 1999; cư trú tại: Số A, Khóm N, phường K, thị trấn X, huyện L, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện 21/9/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thiên T trình bày: Chị và anh Lee, Yu - M được mai mối và tự nguyện tiến đến hôn nhân. Anh chị có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện V, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/9/2022. Sau khi kết hôn, chị được anh Lee, Yu – M bảo lãnh sang Đài Loan chung sống. Vợ chồng chị chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến tháng 5 năm 2023 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng ngôn ngữ, không hợp nhau. Chị về Việt Nam sinh sống và ly thân với anh Lee, Yu – M từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thiên T yêu cầu được ly hôn với anh Lee, Yu - M.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tất cả thực hiện đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã tiến hành tống đạt cho bị đơn hợp lệ nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 35, 37, 147, 227, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thiên T. Cho chị T được ly hôn với anh Lee, Yu – M.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí và chi phí tố tụng: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 200.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc tranh chấp ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thiên T và anh Lee, Yu - M thì chị T là công dân Việt Nam đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam, anh Lee, Yu - M là người nước ngoài đang định cư tại Đài Loan. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thiên T và anh Lee, Yu – M là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết vụ việc là pháp luật Việt Nam được quy định tại khoản 2 Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thiên T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lee, Yu - M được Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp theo quy định để tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Lee, Yu - M về việc chị Nguyễn Thị Thiên T khởi kiện ly hôn với anh. Tuy nhiên, anh Lee, Yu - M không gửi ý kiến về Tòa án và không có mặt để tham dự phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 238 và Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị Thiên T và anh Lee, Yu - M.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thiên T và anh Lee, Yu - M kết hôn vào năm 2022 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế giữa chị Nguyễn Thị Thiên T và anh Lee, Yu - M không còn chung sống với nhau, quan tâm chăm sóc nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng, ai biết bổn phận của người đó, quan hệ hôn nhân giữa hai người chỉ tồn tại trên hình thức, thực chất tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, việc chị Nguyễn Thị Thiên T yêu cầu ly hôn với anh Lee, Yu - M là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung, về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng:

Chị Nguyễn Thị Thiên T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thiên T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 200.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài được quy định tại khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20166 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thiên T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thiên T được ly hôn với anh Lee, Yu - M.

1.2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thiên T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thiên T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 (hai trăm nghìn) đồng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000411 ngày 10/10/2023 và số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng chi phí ủy thác theo biên lai thu số 0014819 ngày 31/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thiên T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, bị đơn Lee, Yu - M được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- THADSTVL: 02b;
- UBNDHV: 01b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tư